

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2018/DS-PT
Ngày: 31/10 /2018.
V/v: "Yêu cầu chia thừa kế"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Sơn và ông Phạm Văn Phần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm đối với vụ án thụ lý số 69/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về “ Yêu cầu chia thừa kế” do có kháng cáo của ông Đặng Quang L và kháng nghị của VKSND tỉnh Nghệ An đối với Bản án số 09/2018 DS-ST ngày 04/7/2018 của TAND huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đặng Quang L, sinh năm 1963 (có mặt).

Trú tại: xóm 3, Xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Quang V, sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: xóm 8, Xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đặng Thị Biên, sinh năm 1963 (có mặt).

Trú tại: xóm 1, Xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Bà Đặng Thị Hồng, sinh năm 1965 (có mặt).

Bà Cao Thị An, sinh năm 1974 (có mặt).

Đều trú tại: xóm 8, Xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án , nguyên đơn ông Đặng Quang L trình bày:

Bố ông là ông Đặng Quang Th (chết năm 1999) và mẹ ông là Đặng Thị C (Chết năm 2006). Ông, bà mất không để lại di chúc có để lại hai thửa đất mang tên Đặng Quang Th cụ thể như sau:

Thửa thứ nhất đã được cấp GCN QSD đất tại thửa đất số 872, tờ bản đồ số 05 (Hiện nay thửa mới thửa 40, tờ bản đồ mới số 16) có diện tích 500m² đất ở và đất vườn tại xóm 9, Xã DT, huyện D.

Thửa thứ hai đã được cấp GCN QSD đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 06 (Hiện nay thửa mới 201, tờ bản đồ mới số 16) diện tích 650m² đất ở và đất vườn tại xóm 8, xã DT.

Bố mẹ ông có 5 con chung gồm Đặng Thị Ch (chết năm 2001, không có chồng, không có con), Đặng Quang L, Đặng Thị B, Đặng Thị H và Đặng Quang V. Khi bố , mẹ ông đang sống thì em trai ông là Đặng Quang V quản lý và sử dụng, làm nhà và sống trên thửa đất số 54, tờ bản đồ số 06 tại xóm 8, Xã DT, huyện D. Bố, mẹ ông ở và sử dụng thửa đất số 872, tờ bản đồ số 05. Khi bố, mẹ mất thì ông V quản lý. Đến tháng 10 năm 2015 ông về sửa nhà của bố mẹ nhưng em trai ông là Đặng Quang V cản trở không cho ông sử dụng, sau đó UBND xã DT tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là hai thửa đất trên.

Bị đơn ông Đặng Quang V trình bày yêu cầu: Ông thống nhất về quan hệ huyết thống, họ, tên của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Bố, mẹ mất không để lại di chúc và có để lại 2 thửa đất đứng tên ông Th đúng như ông L trình bày. Hai thửa đất này hiện tại ông đang quản lý, năm 1996 ông đã xây dựng 3 gian nhà cấp 4 để ở tại thửa đất số 872, tờ bản đồ số 05 có diện tích 500m² tại xóm 9 nhưng sau khi làm xong thì bố ông nói ông về ở trên thửa đất số 54, tờ bản đồ số 06 diện tích 655m² tại xóm 8. Năm 2004 vợ chồng ông xây dựng hai gian

nhà vệ, đến năm 2015 ông làm nhà bằng. Về thửa đất này ông ở từ năm 1996 đóng thuế đầy đủ cho nhà nước.

Nay ông Đặng Quang L yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại ông đề nghị: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 06 diện tích 655m^2 ông ở từ trước đến nay và trước khi chết bố mẹ cũng thống nhất cho ông. Hàng năm ông thực hiện nghĩa vụ thuế cho nhà nước đầy đủ nên ông có nguyện vọng ở trên thửa đất này còn thửa đất 872, tờ bản đồ số 05 có diện tích 500m^2 ở xóm 8, xã DT thì nguyện vọng để lại làm nhà thờ không phân chia cho ai. Còn nếu không thống nhất thì hai thửa đất này đem chia đều cho những người thừa kế.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị H và bà Cao Thị A thống nhất như ý kiến trình bày của anh Đặng Quang V và đề nghị xem xét công sức tôn tạo duy trì di sản thừa kế là thửa đất số 54, tờ bản đồ 06, diện tích 655m^2 tại xóm 9 cho bà Cao Thị A. Nếu chia thừa kế thì phần của bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị H giao lại cho ông V sở hữu, sử dụng.

Các bên đương sự đều thống nhất di sản của ông Đặng Quang Th và bà Đặng Thị C để lại là hai thửa đất đã được Hội đồng thẩm định và định giá như sau: Thửa số 54, tờ bản đồ số 6, tại xóm 8 có diện tích $655\text{m}^2 \times 800.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 524.000.000\text{đ}$. Thửa đất số 872 tờ bản đồ số 05, tại xóm 9 có diện tích $500\text{m}^2 \times 1.000.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 500.000.000\text{đ}$.

Tài sản trên thửa đất số 872 là ngôi cấp 4 cũ xây dựng năm 1996 có giá trị $14.000.000\text{đ}$ do ông Đặng Quang V xây dựng sau đó ông Đặng Quang L sửa chữa. Ngoài ra trên thửa đất ông L xây bờ bao dài 65,81m, cao 1,5m trị giá là $65,81 \times 1,5 \times 110.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 10.500.000\text{đ}$ và đổ 60 xe đất tôn nền giá $150.000\text{đ}/1\text{xe} \times 60\text{xe} = 9.000.000\text{đ}$.

Với nội dung trên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018 DS-ST ngày 04/7/2018 của TAND huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đã Quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 34, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 188 và 203 Luật đất đai năm 2013, xử:

1. Giao cho ông Đặng Quang V và bà Cao Thị A được quyền sử dụng đất thửa số 54, tờ bản đồ số 06, diện tích 655m^2 thuộc xóm 8, xã DT, huyện DC, Nghệ An; đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 01 ngày 30/9/1995 mang tên ông Đặng Quang Th. Trị giá thửa đất là 524.000.000đ. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

2. Giao cho ông Đặng Quang L được quyền sở hữu, sử dụng $346,3\text{ m}^2$ đất tại thửa 872, tờ bản đồ số 05 tại xóm 9 DT, D đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01 ngày 30/9/1995 mang tên ông Đặng Quang Th, trị giá thửa đất: $346,3\text{m}^2 \times 1.000.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 346.300.000\text{đ}$. Và ngôi nhà cấp 4 trị giá 14.000.000đ. Tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đường nhựa có kích thước 17,31m
- Phía Tây giáp hộ ông Đinh Văn C và đất UBND xã có kích thước 15,68m
- Phía Nam giáp hộ ông Thái Bá L có kích thước 19,15m
- Phía Bắc giáp đất ông Đặng Quang V có kích thước 24,24m

3. Giao cho ông Đặng Quang V được quyền sở hữu, sử dụng $153,7\text{m}^2$ đất tại thửa 872, tờ bản đồ số 05 tại xóm 9 DT, DC đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01 ngày 30/9/1995 mang tên ông Đặng Quang Th, trị giá thửa đất $153,7\text{m}^2 \times 1.000.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 153.700.000\text{đ}$. Tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đường nhựa có kích thước 6,02m
- Phía Tây giáp đất UBND xã có kích thước 2,43m và 3,96m
- Phía Nam giáp hộ ông Đặng Quang L có kích thước 24,24m
- Phía Bắc giáp đất ông Đặng Quang V có kích thước 26m

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

4. Buộc ông Đặng Quang L phải trích chia phần giá trị tài sản chênh lệch cho các đồng thừa kế gồm Đặng Quang V, Đặng Thị B, Đặng Thị H là 119.800.000đ (Một trăm mười chín triệu tám trăm nghìn đồng). Và phải trích chia

$\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà cho ông Đặng Quang V tương ứng số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

5. Buộc ông Đặng Quang V phải trích giá trị phần bờ rào do ông L xây dựng trên phần đất ông V được hưởng là $95m \times 110.000đ/1m^2 = 10.450.000đ$ (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Công nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị H nhường phần được hưởng thừa kế của mình cho ông Đặng Quang V.

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 13/7/2018 ông Đặng Quang L có Đơn kháng cáo với nội dung: Ông không đồng ý mấy vấn đề sau: Nền đất xóm 8 diện tích $655m^2$ chia 5 phần là không đúng vì con dâu không có quyền thừa kế, ông yêu cầu chia 4 phần vì bà Chắt mới mất năm 2006, từ đó chú Vân mới có quyền trông coi. Nền xóm 9 diện tích $500m^2$ ông đã trông coi, sửa nhà, xây tường bao, thuê xe đổ đất từ trước năm 2006 nên cũng đề nghị chia làm 4 phần hoặc nền xóm 8 chia 5 thì nền xóm 9 cũng chia 5. Ông không lấy thêm đất chỉ lấy cổ phần của ông đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho ông.

Ngày 06/8/2018 VKSND tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1531/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Bản án sơ thẩm Quyết định chưa đầy đủ, không đúng quy định.

Cụ thể: Bà Cao thị An có công duy trì, tôn tạo, bảo quản thửa đất số 54 được hưởng ngang 1 suất thừa kế nhưng không tuyên phần cụ thể của bà A $131m^2$ mà giao cho ông V, bà An được toàn quyền sử dụng là không đúng kỹ phần. Bản án tuyên ông L được QSD $346,3m^2$, ông V $153,7m^2$ tại thửa 872 nhưng không tuyên rõ diện tích đất ở, đất vườn gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Bản án không tuyên các đương sự và cơ quan liên quan đăng ký lại QSD đất là thiếu. Bản án tuyên buộc các bên trích tiền làm nhà, làm bờ tường bao nhưng không giao ai có quyền sở hữu là thiếu sót. Ông L có công sức đổ 60 xe đất tôn nền nhưng đất giao cho ông V $153,7m^2$ nhưng không buộc ông V trích lại cho ông L là không đảm bảo quyền lợi cho ông L. Về án phí các đương sự được nhận di sản nhưng cấp sơ thẩm tính án phí không đúng với ông V, ông L. Các vi phạm, thiếu

sót trên cấp phúc thẩm có thể khắc phục. Đề nghị: Sửa án sơ thẩm để khắc phục các vi phạm, thiếu sót trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo (ông L) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không xuất trình tài liệu chứng cứ gì thêm và đề nghị cấp phúc thẩm: Chia di sản thừa kế làm 4 phần và chia hiện vật là đất cả ở 2 nền, đề nghị Tòa án xem xét công sức bảo quản di sản cho ông từ năm 2006 đến nay.

Bị đơn là ông V đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Các bà Biên, bà Hồng nhất trí chuyển suất thừa kế được hưởng cho ông V.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS, người kháng cáo nạp đơn, nạp tiền tạm ứng trong hạn nên chấp nhận. Về nội dung: Cấp sơ thẩm tuyên án không rõ, các vi phạm, thiếu sót cấp phúc thẩm cần khắc phục, đề nghị chia đất cho ông L theo suất được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí ông L nạp trong hạn luật định vì vậy chấp nhận việc kháng cáo đúng quy định và cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông L. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ các đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất, di sản thừa kế. Ông L kháng cáo việc Tòa án chia cho bà An(con dâu) 1 suất thừa kế là không đúng nội dung Bản án nhận định : "*Bà An ở trên thửa đất này từ năm 1996 đến nay vì vậy trích công sức duy trì, tôn tạo, bảo quản ngang bằng 1 suất thừa kế*". Việc trích công đó là đúng quy định của pháp luật, không phải được hưởng 1 suất thừa kế như ông L kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L yêu cầu xem xét công sức duy trì bảo quản di sản của ông từ năm 2006 đến nay. Xét thấy tại cấp sơ thẩm không yêu cầu, Tòa án không giải quyết nên không thuộc phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm. Ông L yêu cầu chia đất bằng

hiện vật cả ở 2 thửa là không phù hợp thực tế, không cần thiết nên không có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào các quy định về pháp luật thừa kế, nhu cầu sử dụng đất, trích chia công sức, thanh toán các chi phí làm thêm các tài sản trên đất(sửa nhà, xây tường bao, đổ thêm đất) thì cấp sơ thẩm đã tính toán, phân chia di sản đúng quy định, đảm bảo các quyền lợi cho những người hưởng thừa kế, cũng như người có quyền lợi liên quan. Vì vậy cần giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông L.

Xét các vấn đề VKSND tỉnh Nghệ An kháng nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng như Bản kháng nghị cũng như đề nghị tại phiên tòa phần lớn là đúng cần chấp nhận kháng nghị để sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Một số vấn đề thiếu sót như: Phần đồ đất của ông L đã được trừ vào tổng giá trị và tính vào suất ông L được nhận nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L. Phần trích trả công sức cho bà An đã tính giá trị và gộp chung vào của vợ chồng ông V, bà An không cần thiết phải giao 131m² đất riêng cho bà An như đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Nghệ An. Phần xác định đất ở, đất vườn tại Giấy CNQSD Đ cấp cho ông Th chỉ ghi : Mục đích sử dụng: Đất ở + đất vườn mà không quy định bao nhiêu đất ở, đất vườn nên Tòa án không thể xác định để giao cụ thể được, việc xác định diện tích các loại đất (đất ở, đất vườn) do cơ quan có thẩm quyền xác định khi đăng ký lại quyền sử dụng đất. Phần án phí sơ thẩm tính lại theo giá trị di sản được hưởng.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông L không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, điều 309 của BLTTDS. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đặng Quang L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về nội dung. Sửa Bản án sơ thẩm về việc tuyên án cho rõ các vấn đề khởi kiện, loại đất, quyền, nghĩa vụ đăng ký QSD đất và án phí sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 34, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 188 và 203 Luật đất đai năm 2013, điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đặng Quang L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đặng Quang T và bà Đặng Thị C.

* Xác định di sản thừa kế của ông Đặng Quang Th và bà Đặng Thị C để lại là hai thửa đất (Thửa số 54 và 872) có giá trị: 1.024.000đ.

* Xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Đặng Quang L, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị H và ông Đặng Quang V.

* Về Phân chia di sản thừa kế như sau:

- Trích trả công duy trì, tu bổ, bảo quản cho bà Cao Thị A là 104.800.000đ.

(được tính nhập vào phần ông V được hưởng).

- Trích trả cho ông Đặng Ngọc L công đồ thêm đất 9.000.000đ (tính vào phần ông L được hưởng).

Phần còn lại: 910.200.000đ chia cho 4 suất thừa kế, mỗi suất được hưởng là: 227.550.000đ.

Chấp nhận việc bà Đặng Thị B và bà Đặng Thị H chuyển phần được hưởng thừa kế cho ông Đặng Quang V; ông V được hưởng là: 682.650.000đ.

1. Giao cho ông Đặng Quang V và bà Cao Thị An được quyền sử dụng đất thửa số 54, tờ bản đồ số 06, diện tích 655 m² thuộc xóm 8, xã DT, D, Nghệ An; đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 01 ngày 30/9/1995 mang tên ông Đặng Quang Th. Trị giá thửa đất là: 524.000.000đ.

2. Giao cho ông Đặng Quang L được quyền sử dụng 346,3 m² đất tại thửa 872, tờ bản đồ số 05 tại xóm 9 DT, D đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 01 ngày 30/9/1995 mang tên ông Đặng Quang Th, trị giá thửa đất: 346.300.000đ và được quyền sở hữu các tài sản trên đất được giao(1 ngôi nhà cấp 4 trị giá: 14.000.000đ, tường bao). Tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đường nhựa có kích thước 17,31m
- Phía Tây giáp hộ ông Đinh Văn C và đất UBND xã có kích thước 15,68m
- Phía Nam giáp hộ ông Thái Bá L có kích thước 19,15m
- Phía Bắc giáp đất ông Đặng Quang V có kích thước 24,24m

3. Giao cho ông Đặng Quang V được quyền sở hữu, sử dụng 153,7m² đất tại thửa 872, tờ bản đồ số 05 tại xóm 9, DT, DC đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 01 ngày 30/9/1995 mang tên ông Đặng Quang Th, trị giá thửa đất: 153.700.000đ và được quyền sử dụng phần tường bao trên đất được giao. Tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đường nhựa có kích thước 6,02m
- Phía Tây giáp đất UBND xã có kích thước 2,43m và 3,96m
- Phía Nam giáp hộ ông Đặng Quang L có kích thước 24,24m
- Phía Bắc giáp đất ông Đặng Quang V có kích thước 26m

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Các đương sự, các cơ quan liên quan có thẩm quyền có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất được giao sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Buộc ông Đặng Quang L phải trích trả phần giá trị tài sản chênh lệch là 119.800.000đ (*đã nhập phần được hưởng của bà Biên, bà Hồng vào*) và trích trả ½ giá trị ngôi nhà cho ông Đặng Quang V số tiền là 7.000.000đ. Tổng cộng: 126.800.000đ.

5. Buộc ông Đặng Quang V phải trích giá trị phần bờ rào do ông L xây dựng trên phần đất ông V được hưởng là 95m = 10.450.000đ.

Bù trừ nghĩa vụ (126.800.000đ - 10.450.000đ) thì ông Đặng Quang L phải thanh toán trả cho ông Đặng Quang V: **116.350.000đ** (Một trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Quang L phải nộp 11.375.000đ nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí dân sự đã nộp 3.000.000đ theo biên lai thu số 0004313 ngày 18 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu. Ông Đặng Quang L còn phải nộp tiếp 8.075.000đ (Tám triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Buộc ông Đặng Quang V phải nộp 31.306.000đ (Ba mươi một triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Đặng Quang L phải chịu: 300.000đ nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 0000658 ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng người phải thi hành án phải chịu thêm khoản lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND huyện Diễn Châu;
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Chi cục THADS Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + lưu trữ.

Nguyễn Hữu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Lê Hồng Sơn Phạm Văn Phần

Nguyễn Hữu Hà